

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYỀN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/HS-ST.
Ngày 24/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYỀN QUANG.

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Bích

2. Ông Mạc Ngọc Day

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyền Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử theo hình thức số hoá, công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2024/TLST-HS, ngày 05 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thanh H**, sinh ngày 21/01/1974;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn 1 Tân Yên, xã T, huyện H, tỉnh Tuyền Quang;

Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; con ông Nguyễn Hữu T (đã chết) và bà Phạm Thị M (đã chết); anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ ba; vợ: Phạm Thị Y, sinh năm 1974; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1996 nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 83 ngày 26/4/2002 của Công an huyện H xử phạt 50.000 đồng về hành vi đánh nhau. Ngày 26/4/2002 đã chấp hành nộp phạt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T, huyện H, tỉnh Tuyền Quang.

(Có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị Q, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn 2 Minh Phú, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyền Quang.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh H sinh năm 1974, trú tại thôn 1 Tân Yên, xã T, huyện H đăng ký dịch vụ cầm đồ tại thôn 1 Tân Yên, xã T, huyện H. Do quen biết với H từ trước,

trong năm 2022, Trương Thị Q, sinh năm 1985, trú tại thôn 2 Minh Phú, xã Y, huyện H nhiều lần vay tiền của Nguyễn Thanh H với lãi suất gấp trên 05 lần mức lãi xuất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (BLDS), cụ thể:

Ngày 02/9/2022, Trương Thị Q nhắn tin cho Nguyễn Thanh H hỏi vay số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), Q và H thỏa thuận lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 365%/năm (gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS), vay trong thời hạn 10 ngày. Nguyễn Thanh H sử dụng số tài khoản 108898606999 mở tại ngân hàng Viettinbank chuyển đến số tài khoản 108542089999 mở tại ngân hàng Viettinbank của Trương Thị Q 22.500.000 đồng (*Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*) và trừ trực tiếp 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền lãi của 10 ngày. Ngày 15/9/2022, Trương Thị Q chuyển trả 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) từ số tài khoản 108542089999 đến số tài khoản 108898606999 của Nguyễn Thanh H, việc Q trả gốc chậm H không tính thêm tiền lãi. Như vậy, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = $(25.000.000đ \times 20\%/năm \times 10 \text{ ngày})$: 365 ngày = 136.986 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = $2.500.000đ - 136.986đ = 2.363.014 \text{ đồng}$.

Ngày 19/9/2022, Trương Thị Q tiếp tục vay của Nguyễn Thanh H số tiền 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) và hẹn 10 ngày trả lãi một lần, thỏa thuận lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 365%/năm (gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). Nguyễn Thanh H chuyển khoản cho Trương Thị Q 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*) bằng số tài khoản trước đó đã giao dịch và đưa tiền mặt là 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) cho Q tại nhà riêng của H và trừ trực tiếp 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền lãi của 10 ngày. Từ ngày 4/10/2022 đến ngày 09/11/2022, Trương Thị Q chuyển khoản trả lãi cho Nguyễn Thanh H số tiền là 8.750.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*). Ngày 15/11/2022, Q chuyển trả H 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*) tiền gốc bằng hình thức chuyển khoản và trả trực tiếp 1.250.000 đồng (*Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền lãi cho H bằng tiền mặt. Như vậy, từ ngày 19/9/2022 đến ngày 15/11/2022, H thu lãi của Q là 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*), tương đương 50 ngày, số ngày trả chậm H không tính lãi. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = $(25.000.000đ \times 20\%/năm \times 50 \text{ ngày})$: 365 ngày = 684.931 đồng; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = $12.500.000đ - 684.931đ = 11.815.069 \text{ đồng}$.

Ngày 29/11/2022, Trương Thị Q tiếp tục vay Nguyễn Thanh H số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) bằng hình thức chuyển khoản, H sử dụng số tiền gốc Q trả ngày 15/11/2022 để cho Q vay lại và hẹn 10 ngày trả lãi một lần, thỏa thuận lãi suất là 10.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất 365%/năm (gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong BLDS). Nguyễn Thanh H sử dụng số tài khoản 108898606999 mở tại ngân hàng Viettinbank chuyển đến số tài khoản 108542089999 mở tại ngân hàng Viettinbank của Trương Thị Q 13.500.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng*) và trừ trực tiếp 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền lãi của 10 ngày. Từ ngày 10/12/2022 đến ngày 11/3/2023, Q đã trả lãi cho H 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) bằng hình thức chuyển khoản. Ngày 20/3/2023, Q trả 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tiền gốc và trả trước

1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) tiền lãi 10 ngày cho số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) còn lại. Từ ngày 31/3/2023 đến ngày 01/7/2023, Q đã trả cho H 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tiền lãi thông qua số tài khoản 5200158556666 của Phạm Ngọc T (con rể Nguyễn Thanh H) mở tại ngân hàng MB Bank. Ngày 03/7/2023, Q trả 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) tiền gốc còn lại cho H.

Như vậy, từ ngày 29/11/2022 đến ngày 20/3/2023, H thu lãi của Q là 16.500.000 đồng (*Mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng*), tương đương 110 ngày, số ngày trả chậm H không tính lãi. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = $(15.000.000đ \times 20\%/năm \times 110 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 904.109 \text{ đồng}$; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = $16.500.000đ - 904.109đ = 15.595.891 \text{ đồng}$.

Từ ngày 21/3/2023 đến ngày 03/7/2023, H thu lãi của Q là 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*), H và Q thỏa thuận là 110 ngày. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS = $(10.000.000đ \times 20\%/năm \times 110 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 602.739 \text{ đồng}$; tiền lãi thu lợi bất chính (là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của BLDS) = $11.000.000đ - 602.739đ = 10.397.261 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc Nguyễn Thanh H cho Trương Thị Q vay 03 lần là 65.000.000 đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*), số tiền lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS là 2.328.765 đồng (*Hai triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng*), tiền lãi thu lợi bất chính là 40.171.235 đồng (*Bốn mươi triệu, một trăm bảy mươi nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng*).

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKSHY, ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang, đã truy tố Nguyễn Thanh H về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thanh H đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”; xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng. Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu sung quỹ Nhà nước 25.000.000 đồng tiền gốc bị cáo cho Trương Thị Q vay; tịch thu 2.328.765 đồng (là số tiền lãi tương ứng lãi suất 20%/năm mà bị cáo đã thu của Trương Thị Q) để nộp vào ngân sách Nhà nước; ghi nhận bị cáo đã giao nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật, tỏ ra ăn năn hối cải và đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Trương Thị Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại giai đoạn điều tra, đề nghị Tòa án giải quyết đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thực hiện việc xét hỏi, tranh tụng đúng quy định tại các Điều 289, 306, 315, 320, 321, 322 của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ lời khai của bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa; căn cứ vật chứng thu giữ được cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các tài liệu, chứng cứ hoàn toàn phù hợp và đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 02/9/2022 đến 03/7/2023 tại địa bàn huyện H, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Thanh H sinh năm 1974, trú tại thôn 1 Tân Yên, xã T, huyện H đã cho Trương Thị Q, sinh năm 1985, trú tại thôn 2 Minh Phú, xã Y, huyện H vay tiền với lãi suất 365%/năm, gấp 18,25 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, cụ thể: Từ ngày 02/9/2022 đến ngày 15/9/2022 cho vay 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), thu lãi 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong đó, lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS là 136.986 đồng (*Một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng*); tiền lãi thu lợi bất chính là 2.363.014 đồng (*Hai triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng*). Từ ngày 19/9/2022 đến ngày 15/11/2022 cho vay 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), thu lãi 12.500.000 đồng. Trong đó, lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS là 684.931 đồng (*Sáu trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi một đồng*); tiền lãi thu lợi bất chính là 11.815.069 đồng (*Mười một triệu, tám trăm mười lăm nghìn, không trăm sáu mươi chín đồng*). Từ ngày 29/11/2022 đến ngày 03/7/2023 cho vay 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*), thu lãi 27.500.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong đó, lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS là 1.506.848 đồng (*một triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn tám đồng*); tiền lãi thu lợi bất chính là 25.993.152 đồng (*Hai mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, một trăm năm mươi hai đồng*). Tổng số tiền gốc của 03 lần vay từ ngày 02/9/2022 đến ngày 03/7/2023 là 65.000.000đ (*Sáu mươi lăm triệu đồng*), số tiền lãi thu được là 42.500.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*), trong đó tổng số tiền lãi theo quy định (20%/năm) là 2.328.765 đồng (*hai triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng*); Tổng số tiền thu lợi bất chính là: 40.171.235đ (*Bốn mươi triệu, một trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng*). Hành vi thực hiện giao dịch dân sự cho người khác vay tiền với mức lãi suất cao quá mức quy định (gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự) thu lợi bất chính số tiền 40.171.235đ (*Bốn mươi triệu, một trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng*) mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo như nội dung Cáo trạng là hoàn toàn đúng người, đúng tội, có căn cứ, không oan.

Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; ảnh hưởng đến an ninh kinh tế, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân về chính sách quản lý kinh doanh tiền tệ của Nhà nước. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, có trình độ học vấn và sự va chạm xã hội nhất định. Nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội; thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện; bị cáo phạm tội lần này là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã có ý thức tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thanh H đã trả lại số tiền thu lợi bất chính 40.171.235 đồng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị Q nên không xem xét giải quyết.

[6] Xử lý vật chứng: Đối với 25.000.000 đồng tiền gốc bị cáo cho bà Trương Thị Q vay, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 2.328.765 đồng là tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Tổng số tiền tịch thu của bị cáo để sung quỹ Nhà nước là 27.328.765đ (*Hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng*), bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

[7] Việc Nguyễn Thanh H nhận tiền lãi 10.000.000 đồng của Trương Thị Q qua số tài khoản 5200158556666 của Phạm Ngọc T, Tùng không biết việc Hà cho vay lãi nặng nên không xem xét xử lý.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội *Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành H **50.000.000đ** (*Năm mươi triệu đồng*).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thanh H tổng số tiền 27.328.765đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng) để nộp vào ngân sách Nhà nước.

(Toàn bộ số tiền 27.328.765đ (Hai mươi bảy triệu ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi lăm đồng) bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo Biên lai thu tiền số 0000517 ngày 24/4/2024 và Biên lai thu tiền số 0000516 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang)

3. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thanh H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND h.Hàm Yên;
- Công an h.Hàm Yên;
- Chi cục THADS h.Hàm Yên;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã T, h.Hàm Yên;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mạc Ngọc Day – Phan Thị Bích

Lương Thanh Huyền

